

TRƯỜNG TIỂU HỌC

HÙNG LỘC 2

PHIẾU KIỂM TRA LỚP 3

(Khảo sát chất lượng đầu năm)

Năm học: 2023 - 2024

Môn: TOÁN (40 phút)

Họ và tên: Lớp:

Câu 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

a) Các số 652; 562; 625; viết theo thứ tự từ bé đến lớn là: (1 điểm)

A. 562; 652; 625

B. 652; 562; 625

C. 562; 625; 652

b) Số liền trước số 342 là: (0,5 điểm)

A. 343

B. 341

C. 340

D. 344

c) Giá trị của chữ số 8 trong 287 là: (0,5 điểm)

A. 800

B. 8

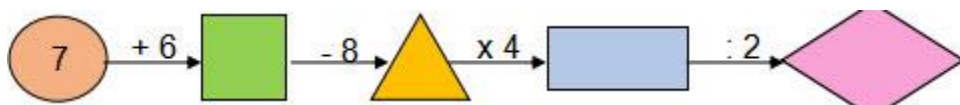
C. 80

D. 87

Câu 2: Nối mỗi số với cách đọc của số đó: (1 điểm)

Tám trăm bảy mươi lăm	•
Năm trăm bảy mươi tám	•
Bốn trăm linh bốn	•
Bốn trăm	•

400
404
875
578

**Câu 3:** Số? (1 điểm)**Câu 4:** Cho các số 427; 242; 369; 898 (1 điểm)

a. Số lớn nhất là:

b. Số bé nhất là:

Câu 5: Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

$535 + 243$

$381 + 546$

$978 - 46$

$569 - 285$

.....

.....

.....

.....

Câu 6: Một chuồng có 5 con gà. Hỏi 4 chuồng như thế có bao nhiêu con gà? (2 điểm)

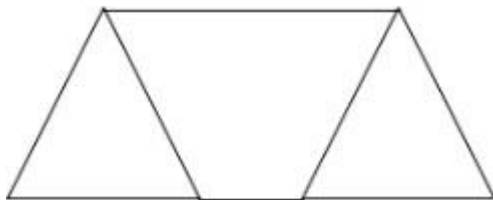
.....

.....

.....

.....

Câu 7: Số hình tứ giác có trong hình vẽ là:..... hình. (1 điểm)



HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

a) Các số 652; 562; 625; viết theo thứ tự từ bé đến lớn là: (1 điểm)

A. 562; 652; 625

B. 652; 562; 625

C. 562; 625; 652

b) Số liền trước số 342 là: (0,5 điểm)

A. 343

B. 341

C. 340

D. 344

c) Giá trị của chữ số 8 trong 287 là: (0,5 điểm)

A. 800

B. 8

C. 80

D. 87

Phương pháp:

a) So sánh các số rồi viết theo thứ tự từ bé đến lớn.

b) Số liền trước của một số thì bé hơn số đó 1 đơn vị.

c) Xác định hàng của chữ số 8 trong số đã cho rồi chỉ ra giá trị của chữ số đó.

Cách giải:

a) Ta có $562 < 625 < 652$

Vậy các số đã cho viết theo thứ tự từ bé đến lớn là 562, 625, 652.

Đáp án: C.

b) Số liền trước số 342 là 341

Đáp án: B.

c) Chữ số 8 trong số 287 thuộc hàng chục nên có giá trị là 80.

Đáp án: C

Câu 2: Nối mỗi số với cách đọc của số đó: (1 điểm)

Tám trăm bảy mươi lăm	•
Năm trăm bảy mươi tám	•
Bốn trăm linh bốn	•
Bốn trăm	•

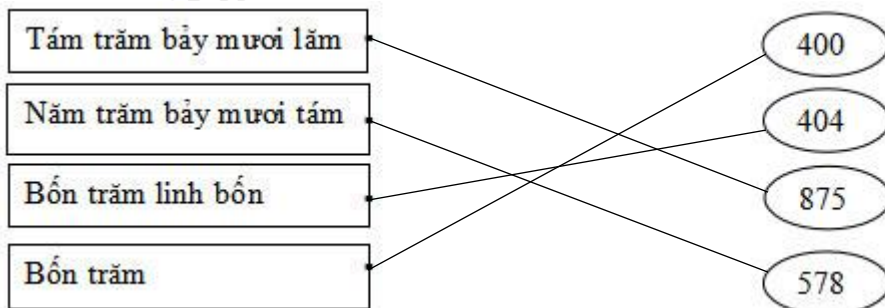
400
404
875
578



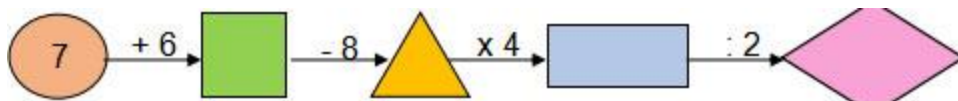
Phương pháp:

Để đọc số hoặc viết số, ta đọc (hoặc viết) lần lượt từ hàng trăm, hàng chục rồi đến hàng đơn vị.

Cách giải:



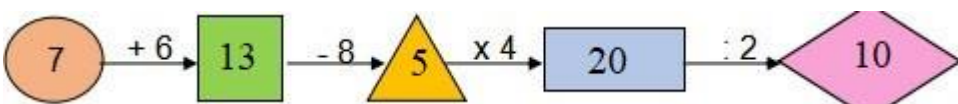
Câu 3: Số? (1 điểm)



Phương pháp:

Tính nhằm kết quả các phép tính theo chiều mũi tên rồi điền số thích hợp vào ô trống.

Cách giải:



Câu 4: Cho các số 427; 242; 369; 898 (1 điểm)

a. Số lớn nhất là:

b. Số bé nhất là:

Phương pháp:

So sánh từng cặp chữ số ở cùng một hàng lần lượt từ trái sang phải.

Cách giải:

Ta có $242 < 369 < 427 < 898$

a. Số lớn nhất là: 898

b. Số bé nhất là: 242

Câu 5: Đặt tính rồi tính: (2 điểm)

$$535 + 243$$

$$381 + 546$$

$$978 - 46$$

$$569 - 285$$

Phương pháp:

- Đặt tính sao cho các chữ số cùng hàng thẳng cột với nhau

- Cộng hoặc trừ lần lượt từ phải sang trái

Cách giải:

$$\begin{array}{r} 535 \\ + 243 \\ \hline 778 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 381 \\ + 546 \\ \hline 927 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 978 \\ - 46 \\ \hline 932 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 569 \\ - 285 \\ \hline 284 \end{array}$$

Câu 6: Một chuồng có 5 con gà. Hỏi 4 chuồng như thế có bao nhiêu con gà? (2 điểm)

Phương pháp:

Số con gà có tất cả = Số con gà trong mỗi chuồng x số chuồng

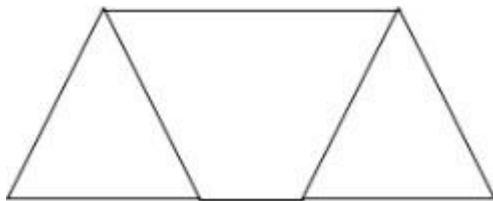
Cách giải:

4 chuồng như thế có số con gà là:

$$5 \times 4 = 20 \text{ (con gà)}$$

Đáp số: 20 con gà

Câu 7: Số hình tứ giác có trong hình vẽ là:..... hình. (1 điểm)



Phương pháp:

Hình tứ giác có 4 đỉnh và 4 cạnh.

Cách giải:

Số hình tứ giác có trong hình vẽ là **4** hình.